

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 104/2020/HS-ST

Ngày: 29/12/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện VKSND thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường xét xử Hình sự, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2020/TLST- HS ngày 01/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày: 11/10/1974; giới tính: Nữ; nơi sinh: Thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: phường A1, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: (Đài Loan) Trung Quốc; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Đảng phái: Không; con ông Nguyễn Văn A2 và bà Lê Thị A3; chồng: Không (trước đây kết hôn với anh Biện Văn A4 nhưng hiện đã ly hôn); con: Có 01 con, lớn sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/7/2020 đến nay tại phường A1, thành phố H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Trần Đức Đ – Luật sư - Văn phòng luật sư Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị T, sinh năm 1984; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Nguyễn Thị Kim A và chị Trần Thị T (sinh năm 1984, trú tại xã T2, huyện T3, Hà Tĩnh) có mối quan hệ thân quen từ trước. Ngày 30/3/2020, chị Trần Thị T cần tiền để giải quyết việc riêng nên đã gặp hỏi vay Nguyễn Thị Kim A số tiền 250.000.000 đồng. Khi đặt vấn đề vay tiền, chị T nói với Nguyễn Thị Kim A là đang khó khăn cần vay tiền để giải quyết việc gấp, chị T sẽ chịu lãi suất như lãi suất bên ngoài áp dụng. Nguyễn Thị Kim A hỏi lại thì chị T nói là lãi suất chị T nói là khoảng từ 3000 đồng đến 4000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, sau đó Nguyễn Thị Kim A đi về. Đến khoảng 11 giờ 30 ngày 30/3/2020, chị T tiếp tục điện thoại hỏi vay tiền thì A đồng ý và hẹn chị T đến nhà mình tại số nhà TH đường TH1, thuộc tổ dân phố TH2, phường A1, thành phố H. Sau khi chị T đến nhà gặp thì Kim A đã đồng ý cho chị T vay 250.000.000 đồng, hai bên thống nhất mức lãi suất chị T phải trả cho Kim A là 4000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày vay, tương đương hàng tháng chị T phải trả là 30.000.000 đồng tiền lãi từ khoản tiền vay 250.000.000 đồng. Sau khi hai bên thống nhất số tiền vay, lãi suất vay thì Nguyễn Thị Kim A và chị Trần Thị T lập một giấy vay tiền thể hiện chị T vay số tiền 250.000.000 đồng hẹn đến ngày 30/4/2020 chị T phải trả cho Nguyễn Thị Kim A 30.000.000 đồng tiền lãi và 250.000.000 đồng tiền gốc.

Đến ngày 30/4/2020, chị T chưa có tiền trả tiền gốc nên xin trả lãi trước và gia hạn nợ gốc đến 30/5/2020 thì Kim A đồng ý, sau đó chị T đã chuyển 30.000.000 đồng trả lãi suất tháng 4/2020 trả cho Kim A. Còn số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc giữa Kim A và chị T vẫn tiếp tục thống nhất lãi suất như ban đầu là 4000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày và thống nhất 10 ngày thì chị T sẽ trả 10.000.000 đồng tiền lãi cho Kim A, lúc gặp khó khăn về tài chính thì chị T chuyển trả cho Kim A 5.000.000 đồng. Trong tháng 5/2020 chị T đã trả lãi cho Kim A nhiều đợt với tổng cộng số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2020 thì chị T và Kim A gặp nhau và viết lại giấy vay tiền với nội dung tương tự lần trước về số tiền vay và lãi suất vay, chỉ thay đổi lại thời gian vay đến 30/6/2020 chị T trả hết gốc và lãi cho Kim A, tiền gốc, lãi suất trả 10 ngày lần số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng 3 lần trả 30.000.000 đồng.

Ngày 30/6/2020, chị T và Kim A gặp nhau, chị T đã trả cho A 50.000.000 đồng tiền và 10.000.000 đồng lãi vay, còn lại 20.000.000 đồng lãi suất tháng 6 chị T xin khất nợ. Ngày 01/7/2020, chị T hẹn gặp và trả cho A số tiền gốc 140.000.000 đồng. Sau đó giữa chị T và Lan A thỏa thuận chốt số tiền lãi vay mà chị T còn nợ A là 20.000.000 đồng, tiền gốc 60.000.000 đồng.

Ngày 09/7/2020, chị Trần Thị T và Nguyễn Thị Kim A hẹn gặp nhau tại số PT đường PT1, thuộc phường A1, thành phố H để thanh toán số tiền gốc và lãi đang nợ của Kim A là 80.000.000 đồng thì bị lực lượng Công an thành phố Hà Tĩnh phát hiện lập biên bản sự việc.

Như vậy, từ ngày 30/3/2020 đến ngày 30/6/2020, Nguyễn Thị Kim A đã cho chị Trần Thị T vay số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất 4000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm (cao gấp 7,3 lần so với quy định tại

Điều 468 Bộ luật dân sự) số tiền lãi mà Nguyễn Thị Kim A đã thu là 70.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa mà A được phép thu là 12.330.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 57.670.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: 01 tờ giấy A4 viết tay thể hiện nội dung ngày 11/6/2020 Trần Thị T vay Nguyễn Thị Kim A 250.000.000 đồng thu giữ tại chị Trần Thị T; 01 tờ giấy A4 vừa đánh máy vừa viết tay thể hiện nội dung ngày 11/6/2020 Trần Thị T vay Nguyễn Thị Kim A 250.000.000 đồng thu giữ tại Nguyễn Thị Kim A được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án; Số tiền 73.000.000 đồng thu giữ tại chị Trần Thị T; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30s màu xanh, số imei 35854410978510/01, có gắn số sim 0916962878 đã qua sử dụng, 01 thẻ ATM Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số 9704050801678686 mang tên Nguyễn Thị Kim A thu giữ tại Nguyễn Thị Kim A được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh để xử lý theo quy định.

Về biện pháp tư pháp: Chị Trần Thị T yêu cầu Nguyễn Thị Kim A trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 103/CT-VKS-TPHT ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim A về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Kim A từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng; đề nghị xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim A. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim A nhận thức được sai phạm; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt tiền bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định đó đảm bảo hợp pháp, đúng quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim A hoàn toàn thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Ngày 30/3/2020 đến ngày 30/6/2020, Nguyễn Thị Kim A đã cho chị Trần Thị T vay số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 4000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương tương đương lãi suất 146%/năm (cao gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự) số tiền lãi mà Nguyễn Thị Kim A đã thu là 70.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa mà A được phép thu là 12.330.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 57.670.000 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết tội bị cáo Nguyễn Thị Kim A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt: Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn mang tính bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Hành vi phạm tội của bị cáo gây bất bình trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội nhằm mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mẹ bị cáo là người có công được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến và được hưởng chính sách như Thương binh nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo không có tình tiết tăng nặng, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt.

[5] Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) mà bị cáo dùng để cho vay, người vay chị Trần Thị T đã trả cho bị cáo 190.000.000 đồng còn lại 60.000.000 đồng chị Trần Thị T đang chiếm giữ. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu từ bị cáo và chị Trần Thị T để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền lãi 57.670.000 đồng mà bị cáo thu của người vay chị Trần Thị T vượt quá theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Chị Trần Thị T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này. Xét yêu cầu của chị Trần Thị T là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với số tiền lãi 12.330.000 đồng mà bị cáo thu của người vay chị Trần Thị T không vượt quá 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền lãi này tuy không vượt quá 20% theo quy định, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội nên cần truy thu ở bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30s màu xanh, số imei 35854410978510/01, có gắn số sim 0916962878 đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo 01 thẻ ATM Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số 9704050801678686 mang tên Nguyễn Thị Kim A.

Đối với số tiền 73.000.000 đồng thu giữ tại chị Trần Thị T cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là phù hợp.

[8] Xét ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt tiền bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự,

Tuyên bố **Nguyễn Thị Kim A** phạm tội ***“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”***.

Xử phạt **Nguyễn Thị Kim A 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng)**

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước ở Nguyễn Thị Kim A số tiền gốc 190.000.000 đồng và số tiền lãi 12.330.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 202.330.000đ (hai trăm linh hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) mà chị Trần Thị T đang chiếm giữ của Nguyễn Kim A trong tổng số tiền 73.000.000 đồng thu giữ của chị Trần Thị T đang có tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh; còn lại 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) trả lại cho chị Trần Thị T.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc Nguyễn Thị Kim A phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho chị Trần Thị T 57.670.000 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Kể từ ngày chị Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Nguyễn Thị Kim A không thi hành được, thì hàng tháng Nguyễn Thị Kim A còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

“...Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30s màu xanh, số imei 35854410978510/01, có gắn số sim 0916962878.

Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho Nguyễn Thị Kim A 01 thẻ ATM Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số 9704050801678686 mang tên Nguyễn Thị Kim A.

(Đặc điểm vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng lập hồi 16 giờ 35 phút ngày 30/11/2020 giữa cán bộ Công an thành phố Hà Tĩnh và cán bộ Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc Nguyễn Thị Kim A phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND TP. Hà Tĩnh
- Chi cục THADS TP. Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CATP Hà Tĩnh;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

Bùi Minh Thư